

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

Dự án Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi)
(Kèm theo Kế hoạch số 160/KH-CA7-Đ (Ngày 27/3/2024))

1. Sự cần thiết xây dựng Dự án Luật

Qua 05 năm tổ chức triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân và Công an các đơn vị, địa phương đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, góp phần quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó: (1) Công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang và các lực lượng khác; (2) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được tiến hành thường xuyên, rộng khắp, hiệu quả nên đã nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trong 05 năm, toàn quốc đã vận động nhân dân giao nộp 99.689 khẩu súng các loại và nhiều bom, mìn, lựu đạn, thuốc nổ, vũ khí, công cụ hỗ trợ khác; (3) Bộ Công an đã chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương đấu tranh quyết liệt, hiệu quả đối với tội phạm, vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trong 05 năm, toàn quốc đã phát hiện 34.109 vụ, bắt giữ 56.027 đối tượng, thu 4.975 khẩu súng các loại.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai, thực hiện Luật đã phát sinh một số bất cập, hạn chế, vướng mắc, đó là:

(1) Về khái niệm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 đã bộc lộ hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thực tế trong 05 năm, toàn quốc đã phát hiện 28.715 vụ, bắt giữ 48.987 đối tượng sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các loại dao và phương tiện tương tự dao gây án, trong đó: Tội phạm sử dụng súng tự chế, vũ khí thô sơ, dao và phương tiện tương tự dao làm công cụ, phương tiện gây án chiếm tỷ lệ rất cao, phát hiện 27.161 vụ, bắt giữ 46.693 đối tượng (*chiếm 94,5% tổng số vụ, 92,8% tổng số đối tượng*). Như vậy, tội phạm sử dụng súng tự chế, vũ khí thô sơ, dao và phương tiện tương tự dao gây án đang diễn biến rất phức tạp. Riêng đối tượng sử dụng dao và phương tiện tương tự dao gây án chiếm tỷ lệ cao, phát hiện 16.841 vụ, bắt giữ 26.472 đối tượng (*chiếm 58,6% tổng số vụ, 54% tổng số đối tượng*), nhiều vụ đối tượng sử dụng dao sắc, dao nhọn, dao sắc nhọn có tính sát thương rất cao, gây án với tính chất rất mạnh động, tàn ác, đã man gây bức xúc dư luận xã hội, hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Thực tế điều tra các vụ án cho thấy, chỉ xử lý hình sự được khi có đủ căn cứ kết luận đối tượng phạm tội về các tội danh khác như: Giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích..., không xử lý được đối tượng về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí vì trong Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ không quy định-dao là vũ khí. Bên cạnh đó, đối tượng sử dụng trái phép-súng tự chế chiếm tỷ lệ cao hơn nhiều so với đối tượng sử dụng trái phép-súng quân dụng (*1.783/333 vụ, 2.589/545 đối tượng*),

các loại vũ khí này khi đối tượng sử dụng gây án, gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm như vũ khí quân dụng nhưng theo quy định của Luật thì súng tự chế không nằm trong danh mục vũ khí quân dụng, không được trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng khác để thi hành công vụ và nghiêm cấm chế tạo, sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng các loại vũ khí này. Do đó, các đối tượng đã lợi dụng kẽ hở của pháp luật để chế tạo, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép các loại súng tự chế, dao và công cụ, phương tiện tương tự vũ khí thô sơ nêu không kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm sẽ tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh trật tự, vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định về khái niệm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để bảo đảm phù hợp với thực tiễn.

(2) Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đang có 30 điều quy định về thủ tục cấp các loại giấy phép, giấy xác nhận về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, trong đó, yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải trực tiếp nộp hồ sơ tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép kèm theo rất nhiều các loại giấy tờ. Do đó, để thực hiện cải cách, đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân thì cần thiết phải cắt giảm các loại giấy tờ không cần thiết và thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành.

(3) Thực tế hiện nay, nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân của các nước cho, tặng, viện trợ vũ khí, công cụ hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức trong nước để nghiên cứu, sản xuất hoặc trang bị cho các đối tượng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Điều 5 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 quy định nghiêm cấm việc trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Vì vậy, để tận dụng nguồn lực từ nước ngoài hỗ trợ Việt Nam trong nghiên cứu, sản xuất, trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ thì cần thiết phải bổ sung quy định cho phép cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước được tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài cho, tặng, viện trợ.

(4) Theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 thì giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ có thời hạn 05 năm, sau khi hết thời hạn được cấp đổi; một số loại công cụ hỗ trợ cấp giấy xác nhận đăng ký và không có thời hạn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ không có sự thay đổi về nhãn hiệu, ký hiệu, số hiệu; hằng năm cơ quan quản lý, cấp phép đã tiến hành kiểm tra, trong khi đó, việc cấp đổi giấy phép sử dụng phát sinh nhiều chi phí. Bên cạnh đó, giấy phép sử dụng và giấy xác nhận đều là giấy phép cấp cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về cấp giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo hướng không quy định thời hạn và chuyển việc cấp giấy xác nhận đăng ký sang cấp giấy phép sử dụng.

(5) Một số quy định về nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 chưa phù hợp với thực tiễn nên quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc như: Quy định tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu trên cơ sở đề án nghiên cứu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt là chưa phù hợp với Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; quy định: “*Chủng loại sản phẩm, quy mô sản xuất phải phù hợp với định hướng phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm chất lượng và kỹ thuật an toàn*” là chưa phù hợp với Luật Quy hoạch năm 2017. Hiện nay các tổ chức, doanh nghiệp thường xuyên nghiên cứu, chế tạo ra các loại vật liệu nổ công nghiệp mới nhưng chưa quy định việc đăng ký sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp mới và không nằm trong danh mục vật liệu nổ công nghiệp nên công tác quản lý, sử dụng gặp rất nhiều khó khăn; quy định tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không hết phải bán lại cho tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp chỉ có giá trị cho 01 lượt vận chuyển và chưa có quy định về điều chỉnh cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp nên gây khó khăn cho các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các nội dung trên nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức và người dân.

2. Mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

(1) *Mục đích:* Xây dựng Dự án Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi) nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, trình tự, thủ tục hành chính và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành, áp dụng pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ nhằm bảo đảm thống nhất với các luật có liên quan; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý trong công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

(2) Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

Một là, tiếp tục thể chế hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Hai là, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; loại bỏ những quy định không hợp lý, đang là rào cản, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Ba là, việc xây dựng dự án Luật phải được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong những năm qua; kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần quản lý, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Bốn là, bảo đảm phù hợp với hiến pháp, pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

3. Nội dung cơ bản và những chính sách mới của dự thảo Luật

(1) Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

Dự thảo Luật bao gồm 08 chương, 74 điều, như sau:

- Chương I gồm 17 điều quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ; nguyên tắc; trách nhiệm của người đứng đầu; điều kiện, trách nhiệm của người được giao quản lý, sử dụng; quản lý, bảo quản, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; mang vũ khí, công cụ hỗ trợ ra, vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày, chào hàng, giới thiệu sản phẩm hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật; cho, tặng, viện trợ và giám định vũ khí, công cụ hỗ trợ.

- Chương II gồm 16 điều quy định về nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí; đối tượng, thủ tục cấp giấy phép, loại vũ khí trang bị; nguyên tắc và các trường hợp nổ súng quân dụng; thủ tục khai báo vũ khí thô sơ và dao có tính sát thương cao trong sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu.

- Chương III, IV gồm 17 điều quy định về nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ quân dụng, vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; dịch vụ nổ mìn và trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

- Chương V gồm 11 điều quy định về nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa công cụ hỗ trợ; đối tượng trang bị, vận chuyển, sử dụng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

- Chương VI gồm 09 điều quy định về tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu huỷ.

- Chương VII, VIII gồm 05 điều quy định quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và điều khoản thi hành.

(2) Một số chính sách mới của dự thảo Luật

- *Chính sách 1:* Hoàn thiện quy định về khái niệm vũ khí, công cụ hỗ trợ, linh kiện vũ khí, công cụ hỗ trợ và vật liệu nổ công nghiệp mới.

- *Chính sách 2:* Cắt giảm giấy tờ trong các thủ tục hành chính về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; không quy định thời hạn giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và chuyển việc cấp giấy xác nhận đăng ký sang cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

- *Chính sách 3:* Cho phép tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cho, tặng, viện trợ vũ khí, công cụ hỗ trợ cho Việt Nam để phục vụ việc nghiên cứu, sản xuất, trang bị, sử dụng.

- *Chính sách 4:* Sửa đổi, bổ sung một số quy định về nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức, doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.



TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ

10 ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT CĂN CƯỚC

(SỐ 26/2023/QH15, CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/07/2024)



01 CHỈNH THỨC ĐỔI TÊN CĂN CƯỚC CÔNG DÂN THÀNH CĂN CƯỚC (ĐIỀU 3)



02 GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CỦA THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN, CHỨNG MINH NHÂN DÂN BÀ ĐƯỢC CẤP (ĐIỀU 46)

- (1) Thẻ Căn cước công dân đã được cấp trước ngày 01/7/2024 vẫn có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được ghi trong thẻ. Công dân khi có nhu cầu thì được cấp đổi sang thẻ Căn cước.
- (2) Thẻ Căn cước công dân, chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng từ ngày 15/01/2024 đến trước ngày 30/6/2024 thì tiếp tục có giá trị sử dụng đến hết ngày 30/6/2024.
- (3) Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân vẫn giữ nguyên giá trị sử dụng.



03 CHỨNG MINH NHÂN DÂN 9 SỐ HẾT HIỆU LỰC TỪ 01/01/2025 (ĐIỀU 46)

Chứng minh nhân dân còn thời hạn sử dụng thì được sử dụng đến ngày 31/12/2024.



04 BỎ THÔNG TIN QUÊ QUÁN VÀ VÁN TAY TRÊN THẺ CĂN CƯỚC (ĐIỀU 18)

Thẻ Căn cước mới đã bỏ thông tin quê quán, nơi thường trú, ván tay, đặc điểm nhận dạng, thay vào bảng thông tin nơi đăng ký khai sinh và nơi cư trú.



05 MỞ RỘNG ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CẤP THẺ CĂN CƯỚC (ĐIỀU 18 VÀ ĐIỀU 19)

- Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi cấp thẻ Căn cước theo nhu cầu.
- Công dân Việt Nam không đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú nếu được cấp nhật thông tin mới ở hiện tại vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.



06 CẤP THẺ CĂN CƯỚC CHO NGƯỜI DƯỚI 06 TUỔI (ĐIỀU 23)

- Người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp thẻ Căn cước cho người dưới 06 tuổi thông qua công dịch vụ công hoặc ứng dụng định danh quốc gia.
- Không thu nhận thông tin nhân dạng và sinh trắc học đối với người dưới 06 tuổi.



10 BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TÍCH HỢP THÔNG TIN VÀO THẺ CĂN CƯỚC (ĐIỀU 22)

- (1) Thông tin tích hợp vào thẻ Căn cước gồm thông tin thẻ bảo hiểm y tế, số bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
- (2) Người dân đề nghị tích hợp thông tin vào thẻ Căn cước khi có nhu cầu hoặc khi thực hiện việc cấp thẻ Căn cước.
- (3) Việc sử dụng thông tin được tích hợp vào thẻ Căn cước có giá trị tương đương như việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác.



08 BỔ SUNG QUY ĐỊNH CẤP CĂN CƯỚC ĐIỆN TỬ (ĐIỀU 31 VÀ ĐIỀU 33)

- (1) Mọi công dân Việt Nam được cấp 01 Thẻ Căn cước điện tử. Thẻ Căn cước điện tử của công dân được cơ quan quản lý Căn cước Bộ Công an tạo lập ngay sau khi công dân hoàn thành thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 (VN-ID).
- (2) Thẻ Căn cước điện tử sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác theo nhu cầu của công dân.



09 BỔ SUNG QUY ĐỊNH THU THẬP THÔNG TIN SINH TRẮC HỌC (ĐIỀU 16 VÀ ĐIỀU 23)

- (1) Thu nhận thông tin sinh trắc học nhằm bảo mật đối với công dân từ đủ 06 tuổi trở lên khi thực hiện thủ tục cấp thẻ Căn cước.
- (2) Thông tin sinh trắc học về ADN và giọng nói được thu thập khi người dân tự nguyện cung cấp khi thực hiện thủ tục cấp Căn cước.

Đơn vị đứng hành

